

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào hồ sơ việc hôn nhân, gia đình thụ lý số: 211/2025/V.HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025, về “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” của người yêu cầu:

Bà **Trần Thị Thanh T**, số CCCD: 046175000157. Địa chỉ: 188/28/19 N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Ông **Hồ C**, số CCCD: 046073000095. Địa chỉ: 188/28/19 N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Căn cứ: Điều 212, Điều 213, khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 362, Điều 396 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Luật thi hành án dân sự.

- Căn cứ Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 6 năm 2025,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 6 năm 2025 là hoàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Thanh T và ông Hồ C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: 2.1. Về quan hệ hôn nhân: B Trần Thị Thanh T và ông Hồ C thuận tình ly hôn. 2.2. Về con chung: Bà Trần Thị Thanh T và ông Hồ C có hai con chung đã thành niên là: Hồ Nhã Thanh T1, nữ, sinh ngày 13/4/2000; Hồ Trần Quang V, nam, sinh ngày 10/4/2007. 2.3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thanh T và ông Hồ Chiến T2 thỏa thuận giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Thanh T và ông Hồ C tự khai không có.

3. Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng:

Bà Trần Thị Thanh T và ông Hồ C nộp, trừ vào số tiền lệ phí do bà Trần Thị Thanh T và ông Hồ C đã tạm nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án Ký hiệu: BLTU/24P số 0078160, ngày 31/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Giấy chứng nhận kết hôn số 045, quyển số 01, ngày 04/4/2000 tại Ủy ban nhân dân phường P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên - Huế (nay là phường M, Thành phố H), không còn giá trị kể từ ngày ban hành Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người yêu cầu (để thi hành);
- Ủy ban nhân dân phường Mỹ Thượng, Thành phố Huế (để biết);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Nam Hải